

QUYẾT ĐỊNH

V/v thu hồi phù hiệu phương tiện kinh doanh vận tải vi phạm tốc độ chạy xe qua trích xuất dữ liệu từ Hệ thống xử lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình của Cục Đường bộ Việt Nam trong tháng 3/2024

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải Quảng Trị;

Căn cứ kết quả tổng hợp vi phạm trích xuất từ Hệ thống xử lý và khai thác sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình thuộc Cục Đường bộ Việt Nam từ ngày 01/3/2024 đến ngày 31/3/2024;

Căn cứ Thông báo số 313/TB-SGTVT ngày 08/8/2024 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị về việc rà soát phương tiện kinh doanh vận tải vi phạm tốc độ chạy xe trong tháng 3/2024 thông qua khai thác, trích xuất dữ liệu trên Hệ thống xử lý dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của Cục Đường bộ Việt Nam để phục vụ công tác quản lý hoạt động kinh doanh vận tải;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 37 phù hiệu đã cấp cho 37 phương tiện kinh doanh vận tải thuộc các đơn vị kinh doanh vận tải theo danh sách ban hành kèm theo Quyết định này.

Căn cứ thu hồi: Theo quy định tại điểm b, khoản 10, Điều 22 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (phương tiện có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy trở lên trong tháng 3 năm 2024).

Điều 2. Phù hiệu của các phương tiện có trong danh sách tại Điều 1 không còn giá trị sử dụng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện:

1. Yêu cầu các đơn vị có phương tiện vi phạm đã nêu tại Điều 1 của Quyết định này:

- Có trách nhiệm nộp lại phù hiệu trong danh sách thu hồi về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái - Sở Giao thông vận tải Quảng Trị trong vòng **10 ngày** kể từ ngày Quyết định có hiệu lực; không được sử dụng phương tiện đã bị thu hồi phù hiệu để tiếp tục hoạt động kinh doanh vận tải. Trường hợp không nộp lại phù hiệu đúng thời gian quy định sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 28 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ (sửa đổi tại Nghị định số 123/2021/NĐ-CP);

- Tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động của bộ phận theo dõi an toàn giao thông; yêu cầu đội ngũ lái xe nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về tốc độ và thời gian lái xe; thường xuyên kiểm tra thiết bị giám sát hành trình để đảm bảo duy trì tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục và truyền dẫn dữ liệu theo quy định;

- Nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng phương tiện để tham gia hoạt động kinh doanh vận tải, đơn vị phải làm thủ tục để được cấp lại phù hiệu kinh doanh vận tải theo quy định tại khoản 8, Điều 1 của Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 của Chính phủ.

2. Các đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách từ chối thực hiện các thủ tục xuất bến, không xác nhận Lệnh vận chuyển đối với các phương tiện xe chạy tuyến cố định sử dụng phù hiệu đang bị thu hồi nêu tại Điều 1 trong thời gian bị thu hồi và chưa được cấp lại phù hiệu mới.

3. Thanh tra Sở Giao thông vận tải kiểm tra, xử lý theo quy định đối với các trường hợp các đơn vị sử dụng phù hiệu đang bị thu hồi để tham gia kinh doanh vận tải, không chấp hành nộp lại phù hiệu về Sở Giao thông vận tải theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Trưởng phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái, Chánh Thanh tra Sở, thủ trưởng (đại diện) các đơn vị kinh doanh vận tải tại Điều 1, các bến xe trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 (t/h);
- Cục Đường bộ Việt Nam (b/c);
- Công an các tỉnh, thành phố (p/h);
- Sở GTVT các tỉnh, thành phố (p/h);
- Phòng CSGT - Công an tỉnh Quảng Trị (p/h);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Thanh tra Sở (để t/h);
- Các đơn vị KDVT có phương tiện vi phạm;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, QLVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thanh Hùng

PHỤ LỤC: DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN BỊ THU HỒI PHÙ HIỆU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGTVT ngày /9/2024 của Sở GTVT tỉnh Quảng Trị)

STT	Biển kiểm soát	Loại hình	Đơn vị vận tải	Vi phạm tốc độ		Tổng km hành trình
				Lần	/1000 Km	
1	74H01114	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VẬN TẢI BẢO HÂN	460	39,09934	11.764,90
2	74H00396	Xe đầu kéo	HTX Ô TÔ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VĨNH LINH	442	24,98182	17.692,87
3	74B00493	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MTV THÀNH LIÊN QUẢNG TRỊ	419	17,94400	23.350,42
4	75C09696	Xe tải	HTX VẬN TẢI QUANG HUY	244	11,36236	21.474,42
5	74B00751	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MTV THÀNH LIÊN QUẢNG TRỊ	242	8,47752	28.546,09
6	74B00426	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MTV THÀNH LIÊN QUẢNG TRỊ	241	9,38816	25.670,64
7	74F00178	Xe hợp đồng	HTX VẬN TẢI Ô TÔ THỊ XÃ QUẢNG TRỊ	211	9,19189	22.955,02
8	74F00067	Xe hợp đồng	HTX VẬN TẢI Ô TÔ THỊ XÃ QUẢNG TRỊ	185	7,33758	25.212,69
9	74F00194	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH MTV THÀNH LIÊN QUẢNG TRỊ	170	17,91501	9.489,25
10	74F00589	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MTV THÀNH LIÊN QUẢNG TRỊ	136	7,74342	17.563,30
11	74F00510	Xe hợp đồng	HTX VẬN TẢI Ô TÔ LAO BẢO	133	10,95422	12.141,44
12	74G00489	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI QUANG HUY	123	11,35597	10.831,31
13	74F00550	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MTV THÀNH LIÊN QUẢNG TRỊ	118	6,78075	17.402,20
14	74B00577	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI Ô TÔ ĐÔNG HÀ	112	34,31917	3.263,48
15	74C11634	Xe tải	HTX VẬN TẢI QUANG HUY	103	11,43172	9.010,02
16	74B00521	Xe bus	CÔNG TY TNHH XE BUS QUẢNG TRỊ	98	8,04352	12.183,72
17	74H00078	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV TM VT BẢO KHÁNH	97	10,17318	9.534,88

18	74B00482	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI Ô TÔ LAO BẢO	96	5,83802	16.443,94
19	74H00246	Xe Container	HTX VẬN TẢI SỐ 6	82	17,88001	4.586,13
20	74E00122	Xe hợp đồng	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI ĐÔNG HÀ - CAM LỘ	81	15,80259	5.125,74
21	50H14883	Xe Container	HTX VẬN TẢI QUANG HUY	69	7,95490	8.673,90
22	74H00411	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC HIỀN QUẢNG TRỊ	63	5,18618	12.147,66
23	74H00437	Xe tải	HTX VẬN TẢI QUANG HUY	62	10,08419	6.148,24
24	74H00959	Xe tải	HTX Ô TÔ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VĨNH LINH	60	5,86133	10.236,58
25	74H00691	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 6	56	5,13731	10.900,64
26	74B00584	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH MTV LINH LINH	56	6,77044	8.271,25
27	74H00970	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV ĐỨC HIỀN QUẢNG TRỊ	52	6,30846	8.242,91
28	74B00788	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI Ô TÔ ĐÔNG HÀ	50	7,10997	7.032,38
29	74F00056	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI Ô TÔ LAO BẢO	49	14,04270	3.489,36
30	74B00410	Xe hợp đồng	HTX VẬN TẢI Ô TÔ THỊ XÃ QUẢNG TRỊ	47	8,42783	5.576,76
31	74F00481	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH MTV LINH LINH	43	7,53681	5.705,33
32	74B00613	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MTV THÀNH LIÊN QUẢNG TRỊ	42	10,46865	4.011,98
33	74B00095	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH MTV THÀNH LIÊN QUẢNG TRỊ	37	14,24860	2.596,75
34	74C05327	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN LÂM	33	10,89453	3.029,04
35	74B00807	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MTV THÀNH LIÊN QUẢNG TRỊ	16	6,24511	2.562,00
36	74H00147	Xe Container	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 32	14	5,10895	2.740,29
37	74H00789	Xe đầu kéo	HTX VẬN TẢI SỐ 6	9	6,28215	1.432,63

(Tổng số: 37 phương tiện kinh doanh vận tải bị thu hồi phù hiệu trong phụ lục)